

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 186/ 2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2020
V/v ly hôn giữa bà N và ông N1.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hóa;

Ông Mai Thanh Tùng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Côn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/5/2020 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị N, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm An Lộc, xã Hải Bắc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định “vắng mặt”.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Thành N1 (Vũ Ngọc N1), sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm AL, xã HB, huyện HH, tỉnh Nam Định “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27 tháng 4 năm 2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Bùi Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông N1 đăng ký kết hôn ngày 11/12/1995 tại Ủy ban nhân dân xã HB, huyện HH, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không thực sự hạnh phúc do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không thường xuyên chia sẻ, mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm ngày càng lạnh nhạt nên đã ly thân từ

cuối năm 2016 cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà N làm đơn xin ly hôn ông N1.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Vũ Anh T1, sinh ngày 05/10/1996 và Vũ Hoài T2, sinh ngày 09/10/2000. Hiện nay, hai con đã trưởng thành và lao động tự lập được nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Bà N khai nhận vợ chồng không có tài sản, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay điều kiện công việc, không đến Tòa án làm việc được nên bà Bùi Thị N giữ nguyên lời khai ở trên, đề nghị được vắng mặt tại phiên xét xử của Tòa án.

* Sau khi thụ lý vụ án, theo quy định của pháp luật, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 119/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 và các văn bản tố tụng khác cho ông N1 nhận. Theo quy định của pháp luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, ông N1 phải nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có). Trong trường hợp cần gia hạn, thì phải có đơn xin gia hạn gửi Tòa án nói rõ lý do để Tòa án xem xét. Hết thời hạn theo luật định ông N1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của bà N. Sau đó, Tòa án cũng tổng đạt hợp lệ Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nam theo quy định pháp luật nhưng ông N1 không đến Tòa làm việc, không có lời khai đưa ra ý kiến của mình về việc chị N có đơn xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án, việc thụ lý, giải quyết, thu thập tài liệu chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Bùi Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Bùi Thị N và ông Vũ Thành N1.

Về con chung là 02 con chung là Vũ Anh T1, sinh ngày 05/10/1996 và Vũ T2, sinh ngày 09/10/2000, hiện nay, hai con đã trưởng thành nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản, công nợ chung: Các đương sự không kê khai, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên toà: Nguyên đơn bà Bùi Thị N có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án; Bị đơn ông Vũ Thành N1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Vũ Thành N1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông Nam.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa bà Bùi Thị N và ông Vũ Thành N1 trên cơ sở tự nguyện, có tình hiểu, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã HB, huyện HH, tỉnh Nam Định tổ chức đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 12 năm 1995 là hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Bùi Thị N và ông Vũ Thành N1 là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không thường xuyên chia sẻ, mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm ngày càng lạnh nhạt nên đã ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Bà N có đơn xin ly hôn, ông N1 cố tình không đến Tòa án làm việc, không có lời khai lưu tại hồ sơ vụ án thể hiện việc không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân của ông bà. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông N1 đã sâu sắc, vợ chồng ly thân từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của bà N với ông N1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Vũ Anh T1, sinh ngày 05/10/1996 và Vũ T2, sinh ngày 09/10/2000, hiện nay, hai con đã trưởng thành và lao động tự lập được, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản và công nợ chung: Đương sự không kê khai, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Bà Bùi Thị N là nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Bùi Thị N và ông Vũ Thành N1.

2. Về án phí dân sự:

Bà Bùi Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2017/0002054 ngày 21/04/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hải Hậu. Bà N đã nộp đủ án phí.

3. Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản ;
- VKSND tỉnh+huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 01 bản;
- UBND xã HB: 01 bản;
- Cấp cho đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng